TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN BIÊN** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 01/8/2022
"V/v ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN-TỈNH KIÊN GIANG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thanh Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Ông Nguyễn Quốc Đượm.

2- Bà Trần Thị Mộng Lành.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Việt, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang: Bà Lai Thị Ngọc Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 8 năm 2022, tại Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 64/2022/TLST-HNGĐ, ngày 21 tháng 3 năm 2022 về việc: "Ly hôn và tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 89/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 27 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 61/2022/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

1-Nguyên đơn: Chị Trần Thị Đ, sinh năm 1983 (có mặt).

2- Bị đơn: Anh Trần Quốc V, sinh năm 1980 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp R, xã T.a, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 17/8/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trần Thị Đ trình bày và yêu cầu như sau:

Về hôn nhân: Chị và anh Trần Quốc V kết hôn với nhau năm 2002, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán. Đến ngày 30/3/2009 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tây Yên A, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.Vợ chồng chung sống được thời gian thì phát sinh ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do không hòa hợp nhau nên thường xảy ra cự cài, từ đó vợ chồng đã ly thân với nhau từ tháng 5/2029 cho đến nay. Nay chị

xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa nên chị yêu cầu xin ly hôn với anh V.

Về con chung: Có 03 người con tên Trần Quốc K, sinh ngày 13/6/2003 (đã trưởng thành), Trần Quốc K, sinh ngày 13/10/2005 và Trần Quốc T, sinh ngày 21/3/2010, hiện nay các con sống với chị Đ. Nay chị yêu cầu xin được nuôi con Trần Quốc K và Trần Quốc T và không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con. Riêng cháu Trần Quốc K đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Tự vợ chồng thỏa thuận nên không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Đối với bị đơn anh Trần Quốc V Tòa án đã tống đạt hợp lệ gồm: Thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh V vẫn vắng mặt và cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu của chị Đ.

Tại phiên tòa hôm nay, chị Trần Thị Đ vẫn giữ nguyên ý kiến và yêu cầu như đã nêu trên. Ngoài ra không có yêu cầu gì thêm.

Quan điểm của đại viện Viện kiểm sát:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, của Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Tuân thủ và chấp hành đúng theo quy định của pháp luật.

Về giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Ghi nhận yêu cầu của chị Trần Thị Đ xử cho chị Đ và anh Trần Quốc V được ly hôn.

Về con chung: Ghi nhận yêu cầu của chị Trần Thị Đ giao cháu Trần Quốc K, sinh ngày 13/10/2005 và Trần Quốc T, sinh ngày 21/3/2010 cho chị Đ chăm sóc, nuôi dưỡng, anh V không phải cấp dưỡng nuôi con. Riêng cháu Trần Quốc K đã trưởng thành nên không xem xét.

Về tài sản chung: Chị Đ không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Chị Đ thừa nhận không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền xét xử: Đây là quan hệ tranh chấp về ly hôn và tranh chấp về nuôi con và bị đơn trong vụ án có nơi cư trú trên địa bàn huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ khoản 1 Điều 28 điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử là đúng thẩm quyền.

[2] Về thủ tục tố tụng: Đối với anh Trần Quốc V được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt đối với anh Trần Quốc V.

[3] Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Chị Trần Thị Đ và anh Trần Quốc V kết hôn với nhau năm 2002 và có đăng ký kết hôn ngày 30/3/2009 tại Ủy ban nhân dân xã Tây Yên A, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang nên hôn nhân của chị Đ và anh V là hợp pháp.

Về mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, dẫn đến cự cải với nhau nên vợ chồng đã ly thân từ tháng tháng 5/2019 cho đến nay, trong thời gian qua gia đình hai bên và anh chị cũng không gặp nhau để tự hòa giải được.

Từ đó, xét thấy mâu thuẫn của vợ chồng ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị Đ, xử cho chị Đ và anh Trần Quốc V ly hôn là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Ghi nhận yêu cầu của chị Trần Thị Đ là giao cháu Trần Quốc K, sinh ngày 13/10/2005 và Trần Quốc T, sinh ngày 21/3/2010 cho chị Đ chăm sóc, nuôi dưỡng, anh V không phải cấp dưỡng nuôi con. Riêng cháu Trần Quốc K đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Chị Đ không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Chị Đ thừa nhận không có và không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[4] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án chị Trần Thị Đ phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng). Nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng). Vậy chị Đ đã nộp đủ tiền án phí.

Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận, như đã nhận định nêu trên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án và khoản 1 Điều 28, điểm

a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị Đ và anh Trần Quốc V ly hôn.

2. Về con chung: Xử giao cháu Trần Quốc K, sinh ngày 13/10/2005 và Trần Quốc T, sinh ngày 21/3/2010 cho chị Đ chăm sóc, nuôi dưỡng, anh V không phải cấp dưỡng nuôi con. Riêng cháu Trần Quốc K đã trưởng thành và không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Anh V có quyền thăm nom con chung, không ai được ngăn cản. Khi cần thiết chị Đ và anh V có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Chị Trần Thị Đ không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4. Về nợ chung: Chị Trần Thị Đ thừa nhận không có và không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

5. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Trần Thị Đ phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng). Nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), theo lai thu số 0004743 ngày 21/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Vậy chị Đ đã nộp đủ tiền án phí.

6. Báo quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm báo cho chị Đ có mặt biết có quyền kháng cáo Bản án trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (01/8//2022). Đối với anh V vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

7. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Biên;
- THADS huyện An Biên;
- UBND xã Tây Yên A;.
- Các đương sự;
- Lưu Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký và đóng dấu

Phạm Thanh Tâm